

THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN LÂM SẢN NGOÀI GỖ TẠI XÃ HỒ SƠN VÀ ĐẠI ĐÌNH THUỘC VÙNG ĐỆM VƯỜN QUỐC GIA TAM ĐẢO

Phạm Duy Long, Nguyễn Thị Thúy Nga
Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam

TÓM TẮT

Lâm sản ngoài gỗ không những góp phần quan trọng về kinh tế xã hội mà còn có giá trị to lớn đối với sự giàu có của hệ sinh thái và sự đa dạng sinh học của rừng. Mục tiêu của nghiên cứu này là điều tra thực trạng về thành phần loài và đề xuất giải pháp phát triển LSNG tại 2 xã Hồ Sơn và Đại Đình. Nghiên cứu đã sử dụng các phương pháp kế thừa tài liệu, phỏng vấn trực tiếp người dân địa phương và phương pháp đánh giá nhanh có sự tham gia PRA (Participatory Rapid Appraisal). Kết quả nghiên cứu cho thấy số loài cây cho LSNG được gây trồng là đa dạng và phong phú với 43 loài và được phân thành 5 nhóm theo công dụng là: nhóm cung cấp dược liệu, nhóm thực phẩm, làm cảnh, nhóm các sản phẩm cho sợi và nhóm cây đa tác dụng. Hoạt động khai thác LSNG bao gồm từ gây trồng và lấy ngoài tự nhiên diễn ra mạnh mẽ tùy theo công dụng của từng loài: Nhóm cây dược liệu có khoảng 10-15 loài cây được khai thác, nhóm cây lương thực, thực phẩm có 20 loài cây, nhóm cây cảnh có 17 loài cây, nhóm LSNG cho sợi được khai thác chủ yếu có khoảng 5-6 loài. Thị trường tiêu thụ diễn ra theo các kênh tiêu thụ khác nhau tập trung ở 3 nhóm chính là nhóm cây dược liệu, nhóm cây thực phẩm và nhóm cây cảnh. Các giải pháp về quy hoạch, kỹ thuật, quản lý và giải pháp về thị trường đã được đề xuất trong nghiên cứu để bảo tồn và phát triển các loài cây LSNG tại khu vực nghiên cứu.

Từ khóa: Gây trồng, Giải pháp phát triển, Lâm sản ngoài gỗ

ĐẶT VẤN ĐỀ

Lâm sản ngoài gỗ (LSNG) có một vai trò quan trọng đối với đời sống của người dân ở nông thôn, đặc biệt là đồng bào dân tộc sống gần rừng. Đây là nguồn lương thực và thu nhập chính cho nhiều hộ gia đình. Hội nghị quốc tế về “Vai trò của lâm sản ngoài gỗ trong xóa đói giảm nghèo và bảo tồn đa dạng sinh học” được tổ chức từ ngày 11 đến 13 tháng 6 năm 2005 tại Hà Nội đã cho thấy khoảng 60 triệu người trên thế giới sống phụ thuộc vào rừng, trong đó chủ yếu là ở các nước nghèo như Châu Mỹ La tinh, Tây Phi và các nước Đông Nam Á. Ở Việt Nam, tính đến năm 2010 rừng là nơi định cư của gần 25 triệu người, trong đó có khoảng 13 triệu đồng bào vùng dân tộc thiểu số, chiếm khoảng 14% dân số cả nước.

Tại vườn quốc gia Tam Đảo nói chung và tại 2 xã Hồ Sơn, Đại Đình nói riêng, hiện nay các loài cây LSNG được đánh giá là khá đa dạng về thành phần loài và số lượng còn nhiều. Các sản phẩm LSNG mang lại giá trị lớn cho người dân địa phương, đặc biệt là trong việc xóa đói giảm nghèo, cải thiện sinh kế. Tuy nhiên, nguồn tài nguyên này đã và đang bị khai thác một cách quá mức bởi người dân, thậm chí nhiều loài trở nên khan hiếm và có nguy cơ bị đe dọa tuyệt chủng. Từ thực tế đó, việc đánh giá thực trạng gây trồng và đề xuất giải pháp bảo tồn và phát triển LSNG cho 2 khu vực nghiên cứu thuộc vườn Quốc gia Tam Đảo là rất cần thiết.

VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Vật liệu nghiên cứu

Những loài cây cho lâm sản ngoài gỗ đã và đang được cộng đồng địa phương khai thác, sử dụng và gây trồng tại 2 xã Hồ Sơn và Đại Đình thuộc vùng đệm vườn Quốc gia Tam Đảo.

Phương pháp nghiên cứu

- Nghiên cứu sử dụng phương pháp kế thừa tài liệu về điều kiện tự nhiên, điều kiện dân sinh, kinh tế xã hội và các tài liệu liên quan đến LSNG đã được nghiên cứu ở khu vực vườn Quốc gia Tam Đảo.

- Phương pháp điều tra phỏng vấn trực tiếp các đối tượng có liên quan và phương pháp đánh giá nhanh có sự tham gia PRA (Participatory Rapid Appraisal) được sử dụng để thu thập các thông tin về thực trạng gây trồng, khai thác sử dụng và thị trường tiêu thụ các loài cây cho LSNG chủ yếu tại khu vực nghiên cứu (Hoàng Gia Hùng, 2009).

KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

Tình hình khai thác sử dụng và thị trường tiêu thụ LSNG

Tình hình khai thác sử dụng

Theo kết quả điều tra về tình hình khai thác LSNG, cách thức người dân thu hái là rất đa dạng và phong phú. Đa số các sản phẩm LSNG được khai thác từ cây trồng có số lượng rất ít mà chủ yếu được thu hái trong tự nhiên với 94 loài cây LSNG có sẵn trong tự nhiên tại 2 xã nghiên cứu. Hoạt động khai thác và sử dụng các loài cây cho LSNG diễn ra thường xuyên trong năm và hết sức phức tạp. Đặc biệt với những hộ gia đình nghèo thì hoạt động khai thác này góp một phần thu nhập đáng kể cho kinh tế hộ gia đình. Tùy theo mục đích sử dụng khác nhau mà hình thức khai thác các loại LSNG cũng khác nhau.

Việc khai thác LSNG tại 2 xã cũng phụ thuộc vào công dụng của từng loài LSNG. Các loài cây LSNG được phân thành các nhóm sử dụng như sau:

Nhóm cây dược liệu: Là nhóm được khai thác với số lượng rất nhiều và thường xuyên. Đồng thời, các loài cây cho LSNG được khai thác rất phong phú và đây cũng là nhóm có nhiều loài có giá trị cao như Ba kích, Gôi hạc, Hà thủ ô đỏ. Người dân trung bình khai thác mỗi lần lấy được 30-45kg của 10 -15 loài.

Nhóm cây lương thực, thực phẩm: Số lượng các loài thường xuyên được khai thác, sử dụng là 20 loài. Đây là nhóm cho các sản phẩm có giá trị cao như rau Sắng, Trám, Tai chua, măng tre. Với vai trò quan trọng trong sinh hoạt cũng như góp phần vào thu nhập của các hộ gia đình, các loài trong nhóm này cũng được gây trồng và khai thác hàng năm với một lượng lớn. Trong đó, đáng chú ý là rau Sắng, măng tre Bát độ là loại LSNG dễ khai thác và tiêu thụ.

Nhóm cây cảnh: Có ít nhất 17 loài đã và đang được khai thác, sử dụng. Qua phỏng vấn người dân nhận thấy đây là nhóm đã bị khai thác rất mạnh, với số lượng nhiều, hầu như trong tự nhiên cây cảnh còn rất ít và trở nên khan hiếm như Đỗ quyên, phong lan (các loại), Hải đường là những loài điển hình. Đây là những loài có tiềm năng trên thị trường, chủ yếu là các sản phẩm nhóm này có giá trị kinh tế cao, được bán để tạo thu nhập. Vì vậy cần có phương án quy hoạch phát triển.

Nhóm các sản phẩm cho sợi: Có khoảng 5-6 loài LSNG thuộc nhóm cây được khai thác, sử dụng chủ yếu được người dân khai thác về làm đồ đạc, hàng rào... Cây Mây nếp, Tre gai được người dân dùng để đan lát làm đồ thủ công mỹ nghệ.

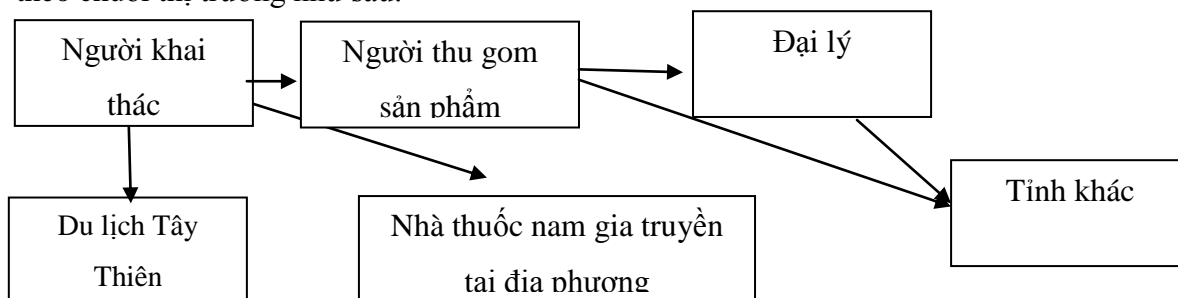
Ngoài ra, bên cạnh nhóm thực vật LSNG sử dụng cho các mục đích nói trên còn nhiều loài thân thảo ở rừng được sử dụng làm gia vị, lấy tinh dầu như Sả, Gừng, Giềng.... Như vậy, có thể thấy các nhóm LSNG được khai thác và sử dụng khá đa dạng.

Thị trường tiêu thụ

Nghiên cứu đi sâu tìm hiểu thị trường tiêu thụ của nhóm LSNG chính là nhóm cây dược liệu, nhóm cây cảnh và nhóm cây thực phẩm. Cụ thể:

Thị trường nhóm cây dược liệu

Qua tìm hiểu nghiên cứu nhận thấy thị trường của cây thuốc tại 2 địa phương diễn ra theo chuỗi thị trường như sau:



Hình 1: Sơ đồ chuỗi thị trường của cây thuốc

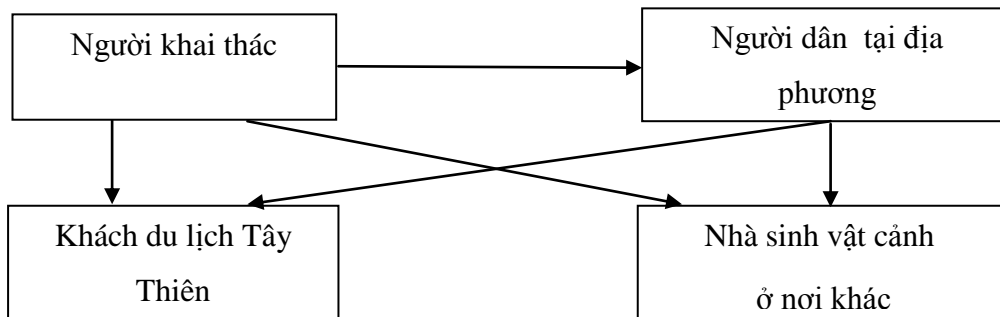
Từ sơ đồ có thể thấy thị trường cây thuốc diễn ra theo 3 kênh chính:

Kênh 1: Cây thuốc được người dân khai thác từ rừng, sau đó bán trực tiếp cho người tiêu dùng. Đây là kênh tiêu thụ chủ yếu của cây thuốc tại đây. Người tiêu dùng ở đây chủ yếu là người dân đang sinh sống tại địa phương (các nhà thuốc nam gia truyền) hoặc bán trực tiếp cho khách đến du lịch Tây Thiên. Kênh tiêu thụ này đơn giản, ít mất xích trung gian, giá thành ít phải chịu ảnh hưởng của các loại phí như vận chuyển, bảo quản, chi phí cho người trung gian.

Kênh 2: Cây thuốc thường là ở dạng nguyên liệu thô hoặc sản phẩm qua sơ chế, chế biến đơn giản được người thu gom trực tiếp sử dụng phương tiện của mình để vận chuyển đi các tỉnh khác như Lạng Sơn, Hà Nội (chợ Ninh Hiệp), Hưng Yên (Nghĩa Trai). Ở kênh này xuất hiện đối tượng trung gian trong quá trình lưu thông cây thuốc đó là những người thu gom. Đây là các đầu mối thu gom dược liệu được tập trung từ nhiều khu vực và phân phối tới các địa phương (các cơ sở bán buôn nhỏ, các thầy lang...) và cho xuất khẩu. Ở kênh này giá cả thường thấp do phải chịu các chi phí vận chuyển, chi phí cho người trung gian,...

Kênh 3: Sản phẩm thô sau khi được khai thác sẽ được những người thu gom trong hoặc ngoài xã đến tận gia đình để thu mua. Sau đó, các sản phẩm thô này được người thu gom bán lại cho các đại lý thu mua lớn trong vùng. Đối với kênh này, giá sản phẩm LSNG được người sử dụng mua cao gấp nhiều lần so với giá sản phẩm ban đầu do phải chịu nhiều chi phí của vận chuyển, thuế, chi phí trong khâu trung gian.

Thị trường nhóm cây cảnh

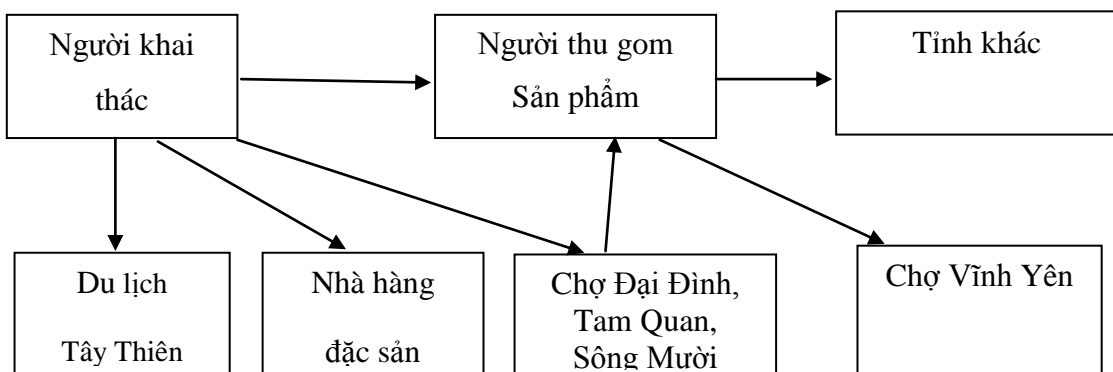


Hình 2: Sơ đồ chuỗi thị trường cây cảnh

Cây cảnh phổ biến được gây trồng và buôn bán tại khu vực là phong lan, Hải đường, Đỗ quyên. Theo kết quả phỏng vấn, nguồn cung cấp cây cảnh tại đây chưa bao giờ thỏa mãn được nhu cầu của khách hàng. Nhìn chung thị trường cây cảnh tại các địa phương khá đơn giản, do vậy giá thành sản phẩm ít chịu ảnh hưởng của các loại chi phí trung gian như vận chuyển, chi phí cho người trung gian.

Thị trường nhóm cây thực phẩm

Những loại rau, quả có giá trị và được tiêu thụ mạnh trên thị trường là rau Sắng, măng tre Bát độ, Sấu, Trám. Chúng được tiêu thụ trên thị trường thông qua chuỗi thị trường như sau:



Hình 3: Sơ đồ chuỗi thị trường cây LSNG cho thực phẩm

Với chuỗi thị trường trên thì các sản phẩm thực vật cho LSNG sẽ được người khai thác đem bán trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc chỉ qua một khâu trung gian là người thu gom sản phẩm. Người tiêu dùng ở đây chủ yếu là người dân sống tại địa phương có nhu cầu sử dụng cho hộ gia đình. Ưu điểm của chuỗi thị trường này là ít mất xích trung gian, giá thành sản phẩm ít chịu ảnh hưởng của các loại chi phí trung gian như chi phí vận chuyển, bảo quản. Nhưng nhược điểm của nó là không ổn định về giá cả, thường biến động theo nhu cầu.

Nhìn chung, thị trường tiêu thụ sản phẩm LSNG tại khu vực là phong phú và mở ra một tiềm năng thị trường lớn cho người dân tiếp tục gây trồng và phát triển trọng điểm vào những loài cây LSNG có giá trị cao và là thế mạnh của khu vực.

Thành phần loài cây LSNG được gây trồng tại khu vực nghiên cứu

Kết quả điều tra cho thấy thành phần loài cây LSNG đang được gây trồng tại 2 xã là khá đa dạng và phong phú, có tới 43 loài được gây trồng. Trong đó xã Hồ Sơn gây trồng khoảng 34 loài, xã Đại Đình gây trồng khoảng 26 loài (bảng 1).

Bảng 1: Thành phần các loài LSNG được gây trồng ở 2 xã Hồ Sơn và Đại Đình

TT	Tên loài		Hồ Sơn	Đại Đình
	Tên phổ thông	Tên khoa học		
1	Ba kích	<i>Morinda officinalis</i> How	+	+
2	Bình vôi	<i>Stephania glabra</i> (Roxb.) Miers	+	
3	Bứa	<i>Garcinia oblongifolia</i> Champ.ex Benth.	+	
4	Cà độc dược	<i>Datura metel</i> L.		+
5	Cối xay	<i>Abutilon indicum</i> (L.).Sweet		+
6	Dâm bụt	<i>Hibiscus rosa-sinensis</i> L.		+
7	Đào rừng	<i>Prunus zippeliana</i> var. <i>crassistyla</i> (Card.) J.E.Vid,	+	+
8	Dây đau xương	<i>Tinospora malabarica</i> (Lamk.) Hook. f.& Thoms.		+
9	Địa lan	<i>Cymbidium sinense</i> Lour	+	+
10	Đình lăng bụi	<i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms		+
11	Đỗ quỳn hoa đỏ	<i>Rhododendron simsii</i> Planch.	+	+
12	Đỗ quỳn hoa trắng	<i>Rhododendron chapaensis</i> Lour	+	+
13	Đỗ quỳn hoa vàng	<i>Rhododendron hainanense</i> L	+	+
14	Giổi xanh	<i>Michelia mediocris</i> Dandy	+	+
15	Gối hạc	<i>Leea robusta</i> auct., non Roxb	+	+
16	Gừng	<i>Zingiber officinale</i> (Willd.) Roscoe	+	+
17	Hà thủ ô đỏ	<i>Fallopia multiflora</i> (Thumb.) Haraldson		+
18	Hải đường	<i>Camellia amplexicaulis</i> (Pitard) Cohen- Stuart	+	+
19	Hoàng đằng	<i>Fibraurea recisa</i> Lour.		+
20	Hoàng tinh	<i>Polygonatum kingianum</i> Coll. & Hemsl.		+
21	Ké đầu ngựa	<i>Xanthyum schumanium</i> var. <i>Inaequilate-rale</i> C. B .Clarke.		+
22	Kim tiền thảo	<i>Desmodium styracifonium</i> (Osbeck.) Merr		+
23	Lá lốt	<i>Piper lolot</i> C. DC.		+
24	Lạc tiên	<i>Passiflora hispida</i> DC.ex Trian & Planch.		+
25	Lộc vùng hoa đỏ	<i>Barringtonia acutangula</i> ssp. <i>spicata</i>	+	
26	Măng tre bát độ	<i>Dendrocalamul latiflorus</i> L.	+	+
27	Mây nếp	<i>Calamus tetradactylus</i> Hance	+	+
28	Ngải cứu	<i>Artemisia vulgaris</i> L	+	+

29	Phong lan	<i>Orchidaceae</i> D. C	+	+
30	Rau sắng	<i>Melientha suavis</i> Piere	+	+
31	Ruổi	<i>Streblus asper</i> Lour.		+
32	Sanh	<i>Ficus benjamia</i> L.	+	
33	Sầu	<i>Dracontomelon duperreanum</i> Pierre	+	
34	Sau sau	<i>Liquidamba formosana</i> Hance	+	
35	Si quả nhỏ	<i>Ficus microcaropa</i> L. f.	+	
36	Sung	<i>Ficus glomerata</i> Roxb.	+	
37	Tai chua	<i>Garcinia pedunculata</i> Roxb.	+	
38	Tam thất	<i>Panax pseudo-ginseng</i> Wall		+
39	Trắc bách diệp	<i>Platyclusus orientalis</i> (L.) Franco		+
40	Trám trắng	<i>Canarium album</i> (Lour) Raeusch	+	+
41	Tre gai	<i>Blumeana</i> . J. A.	+	+
42	Vang	<i>Caesalpinia sappan</i> L.		+
43	Xích đồng nam	<i>Clerodendrum japonicum</i> (Thumb.) Sweet		+
Tổng			26	34

Ghi chú: dấu “+”: loài được gây trồng. Tên khoa học các loài cây dựa trên cuốn sách “Tên cây rừng Việt Nam”, 2000)

Theo kết quả được trình bày trong bảng 1, thành phần loài LSNG được gây trồng ở 2 khu vực điều tra có sự khác nhau. Tại xã Đại Đình số loài LSNG được gây trồng là 34/43 (79,07% số loài) cao hơn xã Hồ Sơn là 26/43 (60,46% số loài). Một số loài được gây trồng ở cả 2 xã như: tre Bát độ, rau Sắng, Tre gai, Mây nếp. Tuy nhiên, một số loài chỉ được gây trồng ở khu vực này mà lại không thấy xuất hiện ở khu vực kia và ngược lại. Cụ thể như các loài Tam thất, Ké đầu ngựa, Xích đồng nam, Hà thủ ô đỏ, Kim tiền thảo,... được gây trồng nhiều ở xã Đại Đình, trong khi ở xã Hồ Sơn ít gặp hơn.

Phân chia 43 loài LSNG tại 2 khu vực điều tra theo công dụng thu được kết quả ghi ở bảng 2.

Bảng 2: Nhóm loài cây LSNG theo công dụng được gây trồng ở 2 xã Hồ Sơn và Đại Đình

TT	Công dụng	Xã Hồ Sơn		Xã Đại Đình	
		Số loài	Tỷ lệ (%)	Số loài	Tỷ lệ (%)
1	Dược liệu	20	58,82	6	23,08
2	Thực phẩm	9	26,47	9	34,62
3	Làm cảnh	8	23,53	11	42,31
4	Các sản phẩm cho sợi	3	8,82	3	11,54
5	Đa tác dụng	4	11,76	6	23,08
Tổng số loài		34		26	

Qua bảng 2 cho thấy: Các loài cây LSNG tại địa bàn nghiên cứu được chia thành 5 nhóm công dụng và số lượng loài cây ở mỗi nhóm và mỗi địa bàn có sự khác nhau. Tại xã Hồ Sơn số lượng loài cây dược liệu được gây trồng lên đến 20/34 (58,82% số loài) nhiều hơn rất nhiều so với các nhóm còn lại chỉ dao động có 3-9 loài/nhóm. Trong khi đó tại xã Đại Đình, số lượng loài cây làm cảnh nhiều nhất với 11/26 (42,31% số loài). Cả 2 xã đều có số lượng cây LSNG cho sợi rất thấp chỉ có 3 loài. Sở dĩ có sự khác biệt này là do tại xã Hồ Sơn tập trung nhiều nhà thuốc nam gia truyền nên họ có thể gây trồng những loài này trong vườn nhà để sử dụng với mục đích tại chỗ nhưng tại xã Đại Đình do có lợi thế về mùa lễ hội Tây Thiên nên số loài cây cảnh lại chiếm ưu thế hơn so với các nhóm công dụng khác.

Quy mô gây trồng một số loài LSNG chủ yếu tại địa bàn được điều tra trên 32 hộ gia đình ở 2 xã. Kết quả cho thấy có 9 loài LSNG được gây trồng chủ yếu ở đây. Trong đó, nhóm cây dược liệu có 2 loài là Ba kích và Gối hạc; 3 loài thuộc nhóm cây cảnh là Đỗ quyên, Hải đường, phong lan; và 4 loài thuộc nhóm cây cho thực phẩm gồm: Trám trắng, Trám đen, tre Bát độ và rau Sắng. Đây là những loài cây có số hộ và diện tích gây trồng nhiều hơn hẳn so

với các loài cây khác được điều tra. Tuy vậy, đối với cùng một loại cây trồng thì quy mô về số lượng hộ gây trồng và diện tích gây trồng tại các địa phương cũng có sự khác nhau rõ rệt. Lý do có sự khác nhau đó là điều kiện phát triển các loài cây này tại mỗi xã là khác nhau, sở thích của người dân, đặc biệt là đầu ra của sản phẩm cây trồng ở mỗi nơi. Mặc dù sự đa dạng về loài cây cho LSNG khá phong phú song diện tích gây trồng đối với từng loài cây tại các hộ gia đình điển hình đã được lựa chọn còn rất manh mún, và khó có thể trở thành hàng hóa tập trung. Qua điều tra phỏng vấn tại các hộ gia đình thì chủ yếu các hộ đều tự bỏ vốn để gây trồng và phát triển cây LSNG. Do vậy quy mô là rất nhỏ lẻ, chưa có sự quy hoạch để phát triển tập trung.



Ảnh 1: Mô hình trồng phong lan ở thôn Đền Thông - xã Đại Đình



Ảnh 2: Mô hình trồng Ba kích ở thôn Đền Thông - xã Đại Đình



Ảnh 3: Vườn ươm cây Hải đường ở thôn Tân Long - xã Hồ Sơn



Ảnh 4: Vườn ươm Đổ quỳên ở thôn Tân Long - xã Hồ Sơn

Đề xuất một số giải pháp nhằm bảo tồn và phát triển bền vững các loài cây LSNG có giá trị cao tại 2 xã Hồ Sơn và Đại Đình

Để góp phần bảo tồn và phát triển bền vững các loài cây LSNG tại 2 địa phương trên nghiên cứu xin đề xuất một số giải pháp như sau:

Giải pháp về quy hoạch: Quy hoạch gây trồng LSNG trên vườn rừng. Phát triển các loài cây LSNG dưới tán rừng để hình thành những mô hình kinh doanh có hiệu quả kinh tế cao. Quy hoạch, xây dựng và mở rộng diện tích gây trồng các loài cây LSNG có giá trị cao như: Ba kích, Hải đường, Đổ quỳên, Gối hạc,... để biến những loài cây cho LSNG này trở thành hàng hóa thực sự. Nên lựa chọn một số loài cây có giá trị kinh tế và khoa học để bảo tồn và phát triển.

Giải pháp về kỹ thuật:

Trên cơ sở những loài LSNG được gây trồng phổ biến và mang lại hiệu quả kinh tế cao nên tiến hành tổng kết kinh nghiệm, đặc biệt là kinh nghiệm bản địa, từ đó chúng ta chọn lọc ra những kỹ thuật gây trồng thích hợp nhất đem phổ biến rộng rãi cho người dân. Điển hình như một số loài cây: Ba kích, Gối hạc, Đổ quỳên, Hải đường, phong lan được người dân ở đây sử dụng kinh nghiệm bản địa của họ để tạo ra nguồn giống từ hom và từ hạt. Điều này rất có ý nghĩa trong tiết kiệm chi phí về giống. Tuy nhiên, trong thời gian tới cần xây dựng

các vườn giống chất lượng cao để phục vụ cho sản xuất, đặc biệt là giống các loài cây có giá trị như Ba kích, Gối hạc, Hải đường, phong lan...

Giải pháp về quản lý và tổ chức:

Trước hết cần tăng cường công tác tuyên truyền, phổ cập kiến thức LSNG cho người dân thông qua việc mở các lớp tập huấn, tổ chức các đợt tham quan học tập đến các mô hình trồng cây cho LSNG đã thành công. Chú trọng lồng ghép kinh doanh lâm sản ngoài gỗ với những mục tiêu kinh tế khác. Nâng cao hiệu quả kinh tế từ LSNG, khả năng làm giàu bằng LSNG sẽ là động lực cơ bản, là sức hấp dẫn chính để người dân tham gia bảo vệ và phát triển LSNG và phát triển rừng. Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban ngành trong huyện, xã, thôn với VQG Tam Đảo để chỉ đạo thực hiện, làm rõ trách nhiệm của từng đơn vị, chú trọng đến vai trò của khuyến nông, khuyến nông trên địa bàn.

Giải pháp về thị trường:

Xây dựng chiến lược quảng bá, tiếp thị sản phẩm, hệ thống thông tin, đăng ký thương hiệu LSNG, tổ chức bộ phận nghiên cứu, dự báo thị trường. Đánh giá khả năng cung cấp về mặt tài nguyên, phân tích khả năng cạnh tranh để đề xuất nhóm sản phẩm chủ lực và thị trường tiêu thụ. Tổ chức tốt các kênh tiêu thụ, có biện pháp điều tiết vĩ mô về giá cả thị trường cây LSNG, đặc biệt đối với loài quý hiếm, có giá trị kinh tế cao. Cần hỗ trợ để xây dựng hệ thống các cơ sở chế biến LSNG trong vùng để có thị trường tiêu thụ sản phẩm ổn định, kích thích sự phát triển kinh doanh kinh tế hộ. Hỗ trợ về các nguồn thông tin để người dân nắm rõ, để việc bán các sản phẩm từ LSNG trên thị trường không bị ép giá hay không bị thua thiệt thông qua các giải pháp sau: Thành lập hợp tác xã mua bán hoặc hiệp hội những người mua bán vừa và nhỏ. Cần tạo mối quan hệ bền vững giữa người sản xuất và người bán LSNG. Xây dựng các mô hình điển hình về người trồng rừng giỏi, kinh doanh LSNG tốt mà đảm bảo phát triển rừng bền vững.

KẾT LUẬN

Tình hình khai thác, sử dụng LSNG diễn ra thường xuyên và liên tục tại khu vực nghiên cứu, tùy vào mục đích và giá trị sử dụng từng loài cây mà số lượng loài cây được người dân khai thác ở các nhóm loài là khác nhau. Nhóm làm dược liệu có khoảng 10-15 loài cây, nhóm cây làm lương thực, thực phẩm có 20 loài, nhóm cây làm cảnh gồm 17 loài nhóm những loài cây cho sợi có khoảng 5-6 loài.

Số loài cây cho LSNG được gây trồng tại 2 xã là 43 loài. Trong đó xã Hồ Sơn gây trồng 34 loài cây và xã Đại Đình là 26 loài cây. Người dân đang tập trung vào những loài cây cho LSNG có giá trị cao như Đỗ quyên, phong lan, Hải đường, Ba kích, tre Bát độ. Tuy nhiên, diện tích gây trồng cho từng loài hiện nay là rất manh mún, khó có thể trở thành hàng hóa buôn bán với quy mô lớn trên thị trường. Thị trường tiêu thụ LSNG chủ yếu diễn ra theo 3 kênh chính đó là: người dân khai thác bán trực tiếp cho người chế biến, tiêu thụ; người dân khai thác bán qua người thu gom và tới người chế biến tiêu thụ; người dân khai thác thông qua người thu gom và đại lý thu mua rồi tới tay người tiêu thụ.

Nghiên cứu đã đề xuất được một số giải pháp để bảo tồn và phát triển LSNG cho 2 xã Hồ Sơn và Đại Đình về quy hoạch, kỹ thuật, quản lý, tổ chức và thị trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Phạm Văn Điền và cộng sự (2009). *Phát triển cây lâm sản ngoài gỗ*. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
- Hoàng Gia Hùng (2009). *Bài giảng các phương pháp khuyến nông*, Trường Đại học Nông Lâm Huế.
- Nguyễn Quang Hưng (2008). *Nghiên cứu đánh giá thực trạng gây trồng một số loài cây lâm sản ngoài gỗ chủ yếu ở vùng núi phía bắc làm cơ sở đề xuất các giải pháp phát triển bền vững*, luận văn thạc sỹ Lâm nghiệp, ĐHLN.
- Vụ Khoa học công nghệ và chất lượng sản phẩm (2000). *Tên cây rừng Việt Nam*. Nhà xuất bản Nông nghiệp.

**CURRENT STATUS AND PROPOSED SOLUTIONS FOR DEVELOPMENT OF
NON-TIMBER FOREST PRODUCTS IN HO SON AND DAI DINH COMMUNES
BELONGING TO BUFFER ZONE OF TAM DAO NATIONAL PARK**

Pham Duy Long, Nguyen Thi Thuy Nga

Vietnamese Academy of Forest Sciences

SUMMARY

Non-timber forest products (NTFPs) have not only an important contribution to social and economic areas, but also a great value for forest ecosystem and biodiversity. The aims of this study are to investigate status and propose solutions for development of NTFPs in Ho Son and Dai Dinh communes. Methods used in the present study include interviews, information collecting of earlier research, participatory rapid appraisal (PRA). The main findings were that plant species for NTFPs were diversified and abundant with 43 species divided into 5 categories including the pharmaceutical, food, ornamental, species supply fiber and multi-purpose species. Exploitation and use of non-timber forest products were strongly taking place. There had not been market relationship between local people and processing companies. In addition, solutions planning, techniques, management and market were suggested to develop plant species for NTFPs in the study sites.

Keyword: Planting, Development solution, Non-timber forest products

Người thẩm định: PGS.TS. Nguyễn Huy Sơn